

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 4 – 2023
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Chí Tâm

Ông Trần Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Diễm Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 3, Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

Nơi ở hiện nay: Khóm Tân Thành, Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn E, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày như sau:**

Tôi và ông Nguyễn Văn E có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 27/5/2010 tại Ủy ban nhân dân Phường 2, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng tôi sống rất vui vẻ, hạnh phúc, thời gian về sau chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống tôi và ông E đã hết tình cảm, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chúng tôi không có ai biết. Tôi và ông E đã ly thân từ năm 2016. Quá trình chung sống thì vợ chồng tôi không có tài sản chung cũng như không có nợ chung.

Nay tôi yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn E.
- Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Mộng Cẩm, sinh ngày 24/8/2002 đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu giải quyết. Tôi yêu cầu nuôi 02 con là Nguyễn Thị Phiên sinh ngày 23/10/2005 và Nguyễn Thị Phiến, sinh ngày 11/7/2010 và tôi không yêu cầu ông E cấp dưỡng.
- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu xem xét giải quyết.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Tôi không yêu cầu giải quyết.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn E vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:***

**** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm:***

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình, còn bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Xét yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà H đối với ông E thì thấy rằng bà H và ông E sống chung trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Thời gian chung sống bà H và ông E cũng đã có con chung nhưng đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Từ khi ly thân thì bà H và ông E mạnh ai nấy sống không còn thương yêu, quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên việc bà H yêu cầu ly hôn là phù hợp có căn cứ theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà H xin ly hôn với ông E. Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn E.

- Xét yêu cầu nuôi con của bà H thì thấy rằng: Quá trình sống chung bà H và ông E có 03 con chung là Nguyễn Thị Mộng C, sinh ngày 24/8/2002, Nguyễn Thị

P, sinh ngày 23/10/2005 và Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 11/7/2010 hiện đang sống với bà H các cháu vẫn phát triển bình thường hơn nữa cháu Phiên và cháu Phiến cũng có nguyện vọng theo sống với bà H nên đề không làm ảnh hưởng xáo trộn sinh hoạt bình thường của cháu Phiên và cháu Phiến nên đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 cháu Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 23/10/2005 và Nguyễn Thị P, sinh ngày 11/7/2010 cho bà H nuôi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông E không ai được quyền ngăn cản. Còn con tên Nguyễn Thị Mộng Cầm, sinh ngày 24/8/2002 đã trưởng thành và bà H không yêu cầu xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn E theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 27/5/2010 bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn E là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Tân, huyện Ngã Năm (nay là Phường 2, thị xã Ngã Năm), tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông E là hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Thời gian chung sống bà H và ông E cũng đã có con chung nhưng đến năm 2016 bà H và ông E đã ly thân. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng bà H cho rằng đã phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp nữa, bà và ông E đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng đã hết, mỗi người muốn xây dựng cuộc sống riêng. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của bà H và ông E đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, không còn chung sống với nhau, không còn hạnh phúc, không còn gắn bó yêu thương với nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà H và ông E trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn E sống chung có 03 người con chung là Nguyễn Thị Mộng Cầm, sinh ngày 24/8/2002, Nguyễn Thị Phiên, sinh ngày 23/10/2005 và Nguyễn Thị Phiến, sinh ngày 11/7/2010. Con chung là Nguyễn Thị Mộng Cầm đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Đối với việc yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Phiên và Nguyễn Thị Phiến của bà H thì nhận thấy từ khi ly thân đến nay bà H vẫn nuôi con và các cháu vẫn phát triển tốt và theo nguyện vọng của 2 cháu thì cũng muốn theo sống với bà H. Nay bà H yêu cầu nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình nên giao 02 cháu Nguyễn Thị Phiên, sinh ngày 23/10/2005 và Nguyễn Thị Phiến, sinh ngày 11/7/2010 cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn E, không ai được quyền ngăn cản hoặc cản trở ông E thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Xét ý kiến của đại viện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX và có căn cứ nghĩ nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn E.

2. Về con chung: Con chung là Nguyễn Thị Mộng Cầm, sinh ngày 24/8/2002 đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét. giao 02 cháu Nguyễn Thị Phiên, sinh ngày 23/10/2005 và Nguyễn Thị Phiến, sinh ngày 11/7/2010 cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn E, không ai được quyền ngăn cản hoặc cản trở ông E thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007332 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Xem như bà H đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quới;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Mỹ Hạnh

2. Về con chung: Con chung là Nguyễn Thị Mộng Cầm, sinh ngày 24/8/2002 đã trưởng thành, đủ điều kiện nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét. giao 02 cháu Nguyễn Thị Phiên, sinh ngày 23/10/2005 và Nguyễn Thị Phiến, sinh ngày 11/7/2010 cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Nguyễn Văn E, không ai được quyền ngăn cản hoặc cản trở ông E thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: bà H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007332 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Xem như bà H đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (*Được sửa đổi, bổ sung năm 2014*), thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa